

Quan điểm và giải pháp về kinh tế phi chính thức tại nông thôn Việt Nam

Th.S. DS. Giang Hán Minh

Bộ Y tế

Th.S. Phạm Thị Hà

Trường Đại học Hùng Vương Tp. HCM

Th.S. Nguyễn Ngọc Tân

Văn phòng Ủy ban Nhân dân Tp. HCM

1. Đặt vấn đề

Có thể thấy rằng khu vực kinh tế phi chính thức (KV KTPCT) ở các nước đang phát triển là một khu vực của nền kinh tế vẫn đang nằm ngoài tầm kiểm soát và hỗ trợ của nhà nước. Chúng tôi ước lượng khu vực KTPCT ở Việt Nam đóng góp trong GDP khoảng 30% giá trị, nhưng cũng không biết trong thực tế đã đưa được bao nhiêu phần trăm đóng góp của nó vào GDP. KV KTPCT này đã đóng góp rất lớn vào việc ổn định hóa nền kinh tế - xã hội, cho tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân trong thời gian vừa qua. Vì vậy, nghiên cứu nhằm tiếp cận mới với mục tiêu đưa ra giải pháp nhằm đa dạng hóa sinh kế KV PCT ở nông thôn Việt Nam.

Theo ILO (1993) KV KTPCT là một bộ phận trong tổng thể của khu vực có tổ chức của các hộ gia đình trong hệ thống kế toán quốc gia. Nó bao gồm một bộ phận của các xí nghiệp cá thể cấu thành khu vực có tổ chức của các hộ gia đình. Các xí nghiệp này khác các công ty và các xí nghiệp tương đương công ty ở chỗ không có đủ các tài khoản và không bao gồm những con người trên danh nghĩa tách bạch với các hộ gia đình mà các xí nghiệp này lệ thuộc.

2. Một số quan điểm

Như chúng ta đã phân tích, KV KTPCT tồn tại khách quan và chịu sự tác động của nhiều nhân tố. Những nhân tố là: tăng trưởng kinh tế, nhu cầu việc làm, khả năng có hạn của khu vực chính thức... Những nhân tố này vẫn tồn tại và vận động theo những chiều hướng khác nhau.

Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, sức ép về việc làm vẫn còn rất lớn. Trong khi đó khả năng tạo việc làm của KV KTCT là có hạn. Sự tồn tại của khu vực kinh tế chính thức là lâu dài, nhìn chung phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức và tác động của con người ảnh hưởng to lớn đến khu vực

kinh tế này trong tương lai. KV KTPCT cần được xử lý theo các quan điểm định hướng sau:

Phải thừa nhận và khẳng định trên thực tế vai trò và vị trí của KV KTPCT trong sự phát triển kinh tế xã hội. Đây là một bộ phận của nền kinh tế, có quy luật vận hành và phát triển. Do đó, KV KTPCT sẽ tồn tại lâu dài ở nước ta; cần được tạo mọi điều kiện để phát triển.

Việt Nam hiện vẫn là nước nông nghiệp, đa số dân, đa số người nghèo sống ở nông thôn. Do đó, KV KTPCT ở nông thôn cần được chú ý đặc biệt. Việc phát triển KV KTCT thành thị cũng phải quan tâm giải quyết các vấn đề của KV KTPCT nông thôn.

KV KTPCT có không ít vấn đề cần được giải quyết. Đó là quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp, sức cạnh tranh kém; người lao động ít có cơ hội tiếp cận dịch vụ bảo hiểm, y tế, giáo dục; nhiều tệ nạn xã hội... Do đó, quản lý Nhà nước với KV KTPCT là hết sức cần thiết. Những biện pháp quản lý phải toàn diện, đồng bộ và hết sức coi trọng biện pháp kinh tế bền vững.

3. Một số giải pháp

3.1. Phát triển kinh tế nhiều thành phần

Nông thôn Việt Nam chiếm gần 80% dân số, hơn 70% nguồn lao động xã hội. Hiện nay tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn mới đạt 74,37% và còn 25,63% thời gian chưa sử dụng và đang diễn ra quá trình chuyển dịch lao động từ nông thôn ra đô thị. Nhân lực nông thôn đổ vào thành thị đều có ngay cơ hội việc làm và có thu nhập xứng đáng. Sự phát triển nông nghiệp nông thôn: thâm canh, tăng vụ..., sẽ tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, sử dụng nhiều lao động, tăng thu nhập.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã nêu những nội dung cụ thể về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Đó là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao

động các ngành công nghiệp dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, xây dựng nông thôn dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ở nông thôn. Đây là cơ sở quan trọng để phát huy tiềm năng nguồn lực ở nông thôn. Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, vai trò của phát triển KTPCT phi nông nghiệp là rất quan trọng. Sự phát triển tạo việc làm dư thừa ở nông thôn, phát triển thị trường nông thôn, tăng giá trị gia tăng cho cả nông nghiệp và phi nông nghiệp. Phải tạo ra cầu nối giữa nông nghiệp hàng hóa và sinh kế tạo ra trong hoạt động sản xuất phi nông nghiệp.

Hiện trạng di dân theo mùa vụ nông thôn ra đô thị là một tất yếu khách quan do thực tiễn phát triển của nền kinh tế nước ta. Di dân tự do vào thành phố tìm việc làm và làm việc đã và đang được nhà nước các ngành, các cấp hết sức quan tâm, những lao động di chuyển tự do vào thành phố đang có chiều hướng ngày càng tăng. Quan điểm về vấn đề này là không nên cấm đoán nhưng cần phải định hướng, điều tiết luồng di chuyển lao động tự do này. Phát triển nông thôn chính là để hạn chế di chuyển lao động và được xem như là giải pháp nền cho khu vực kinh tế phi chính thức ở nông thôn hiện nay.

Tập trung củng cố, khuyến khích các hợp tác xã, làng nghề, xã nghề, kinh tế gia đình, kinh tế trang trại. Bên cạnh đó, vùng nông thôn cũng còn xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở, tổ hợp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa và nhỏ, có thuê mướn lao động, tổ chức sản xuất kinh doanh theo kiểu sản xuất kinh doanh hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường. Điều đó sẽ tạo việc làm ổn định và thu hút, sử dụng nhiều lao động nông thôn tham gia làm việc ở khu vực kinh tế phi nông nghiệp ngay tại nông thôn (ly thân bất ly hương), có khả năng cải thiện nhanh thu nhập của dân cư.

Hỗ trợ và tạo mối liên kết giữa các thành phần kinh tế, các hợp tác xã liên kết và các dịch vụ đầu ra sẽ góp phần làm tăng thu nhập ngoài nông nghiệp, ổn định và nâng cao mức sống của dân cư nông thôn hướng theo xây dựng nông thôn mới.

Phát triển công nghiệp nhỏ ở nông thôn không chỉ trực tiếp tạo thêm việc làm cho người lao động trong khu công nghiệp mà còn có ý nghĩa trên nhiều phương diện: phù hợp với khả năng về vốn liếng, về trình độ công nghệ, trình độ quản lý của đất nước hiện nay; hỗ trợ cho sự phát triển của nông nghiệp nhờ nông phẩm tăng lên, nông phẩm được bảo quản lâu dài, mở rộng khả năng tiêu thụ cả về không gian và thời gian, gắn kết được lợi ích kinh tế giữa người sản

xuất nguyên liệu với các nhà máy chế biến công nghiệp..., tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn...

Dựa vào cơ sở nguyên liệu và lợi thế lao động tại chỗ, kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể, thủ công nghiệp và các ngành nghề khác, đã tạo ra sản phẩm hàng hóa phong phú, đa dạng phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của dân cư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa và thị trường ở nông thôn, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các vùng, cũng như giữa nông thôn và thành thị. Sự phát triển của kinh tế cá thể, hộ gia đình, tiểu thủ công nghiệp còn kéo theo và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thương mại và dịch vụ khác ở nông thôn, tạo ra sự cạnh tranh với hàng công nghiệp.

3.2. Phát triển các làng nghề

Đa dạng hóa ngành nghề tại nông thôn. Phát triển nông nghiệp chú trọng cả chiều rộng và chiều sâu, tập trung vào các ngành dịch vụ nông nghiệp như chế biến, lưu thông hàng hóa. Đây là phương hướng đúng, là chiến lược phát triển lâu dài. Tuy nhiên, nếu chỉ có chiến lược đó sẽ không giải quyết được vấn đề việc làm trong giai đoạn hiện nay. Phát triển làng nghề ở các địa phương cần được coi là các giải pháp quan trọng, trước mắt cũng như lâu dài.

Phát triển làng nghề cần phải xuất phát từ yếu tố thị trường. Bởi vì, nếu thị trường không có nhu cầu về những sản phẩm đó thì làng nghề sẽ không thể phát triển được. Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh là quy luật. Do đó, sản phẩm của làng nghề phải mang tính cạnh tranh. Nhân tố quyết định cũng phải kể đến đó là đổi mới công nghệ. Nhưng nhìn chung trình độ còn thấp, công nghệ còn lạc hậu.

Khả năng cạnh tranh, sức sống của không ít sản phẩm làng nghề như gốm sứ mỹ nghệ, khám trai, sơn mài, chạm trổ gỗ... chủ yếu phụ thuộc vào tài hoa, kinh nghiệm, tay nghề của người lao động. Ở mỗi làng nghề thường có những thợ cả, nghệ nhân bậc thầy, họ giữ vai trò quan trọng trong việc giữ nghề, truyền nghề. Tuy nhiên, số lượng những người giỏi nghề mỗi ngày một ít. Trong khi đó, nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp được coi là bí mật, chỉ được tiết lộ cho con cháu trong gia đình, dòng họ. Điều này cản trở không nhỏ đến chất lượng lao động trong các làng nghề, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Do đó, việc phát triển làng nghề trong cơ chế thị trường tùy thuộc rất nhiều vào việc xây dựng đội ngũ nghệ nhân của các làng nghề và việc truyền nghề cho những người lao động trẻ tuổi. Hơn thế nữa, khả năng cạnh tranh của sản phẩm làng nghề trong giai đoạn hiện nay còn phải kết hợp được tính dân tộc và tính hiện đại nên người lao động còn phải kết hợp được tính dân tộc và tính hiện đại nên những người lao động còn phải có tri

thức khoa học. Điều này, người lao động không dễ dàng thực hiện và cần phải có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương.

Trong cơ chế thị trường, sự phát triển của các làng nghề tùy thuộc không nhỏ vào khả năng quảng bá và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước. Nhưng khả năng kinh tế, tri thức... của các làng nghề làm cho họ không dễ dàng thực hiện vấn đề này, nhất là với thị trường ngoài nước. Do đó, sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua Bộ thương mại, các cơ quan đại diện ở nước ngoài... để các sản phẩm làng nghề có thể quảng bá và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước cũng là điều kiện cần thiết để phát triển làng nghề.

3.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng

Các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn: đường xá, cầu cống, đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống thủy lợi... hết sức cần thiết cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay, việc công trình thủy nông theo hướng sử dụng tổng hợp tài nguyên nước để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nước sinh hoạt và cải thiện môi trường, phòng chống giám nhẹ thiên tai trở nên đặc biệt cấp thiết. Phát triển mạnh đường giao thông nông thôn nhằm giải quyết tốt nhiệm vụ cơ giới hóa, điện khí hóa ở nông nghiệp, nông thôn; đầu tư phát triển các dịch vụ bưu chính viễn thông, hệ thống thông tin nông nghiệp hiện đại đến các xã ở nông thôn, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp và nông thôn... đều là những vấn đề mang tính cấp bách.

3.4. Nguồn nhân lực

Đây là lĩnh vực quan trọng hàng đầu nên cần được quan tâm thường xuyên, để góp phần thực hiện chủ trương của Đảng: "đầu tư cho giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển". Tăng cường giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển". Tăng cường giáo dục — đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn hiện nay là giải pháp có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Mặc dù những năm qua đã có nhiều thay đổi quan trọng để phát triển nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn rất cần có định hướng chiến lược "thế chế, chính sách phù hợp" để khai thác hiệu quả khu vực nông thôn. Bởi vì, hiện nay còn không ít cơ chế chính sách chưa phù hợp, thiếu đồng bộ, thiếu dân chủ, cửa quyền, tham nhũng... Vì vậy, việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách, các cơ sở pháp lý và tăng cường pháp chế, đổi mới hình thức tổ chức xã hội ở nông thôn sẽ khơi dậy sức mạnh của cộng đồng. Đó là động lực quan trọng cho sự phát triển của nông thôn, nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế nông thôn. Trong đó, các chính sách phải phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó "y tế và giáo dục luôn phải đồng

hành". Sự hình thành và phát triển nguồn nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu gắn bó hữu cơ với nhiều yếu tố như sự tốc độ tăng trưởng dân số, vấn đề chăm sóc sức khỏe, việc làm và thu nhập, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, việc đảm bảo các điều kiện của đời sống vật chất và tinh thần, đặc điểm của nguồn nhân lực về giới tính, độ tuổi, dân tộc và nền tảng văn hóa xã hội theo truyền thống... Chính vì vậy, các chính sách phát triển nguồn nhân lực rất phức tạp, đòi hỏi phải tính tới rất nhiều yếu tố.

Việc đào tạo nghề cần phải có kế hoạch cụ thể, phải dựa vào tình hình, xu hướng phát triển để dự báo nhu cầu số lượng, tỷ lệ lao động cần đào tạo theo ngành nghề khác nhau. Từ đó có kế hoạch và chương trình đào tạo, đồng thời bảo đảm cân bằng về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lãnh thổ của các loại lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật khác nhau.

3.5. Tạo nguồn vốn cho phát triển kinh tế

Vốn là một trong những nguồn lực quan trọng hàng đầu cho sản xuất, tạo điều kiện để khai thác mọi tiềm năng của đất nước. Hiện nay, nông thôn đang có nhu cầu to lớn về vốn để phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong việc đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (cơ cấu cây trồng, vật nuôi) đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Nhà nước cần cân đối các nguồn vốn để ưu tiên đầu tư thích đáng cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Các tổ chức tín dụng hoạt động dưới nhiều hình thức đa dạng ở nông thôn với lãi suất thỏa thuận, tăng mức cho vay và tạo thuận lợi về thủ tục cho vay đối với người sản xuất và các tổ chức kinh tế ở nông thôn. Các tổ chức kinh tế ở nông thôn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay để vay vốn ngân hàng, được vay vốn tín chấp và vay theo dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Khuyến khích phát triển quỹ tín dụng nhân dân ở các xã, hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

3.6. Phát triển khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ là động lực thúc đẩy quá trình phát triển nông thôn. Vì vậy, cần phải đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ theo hướng áp dụng công nghệ thích hợp trong một số ngành như áp dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực bưu chính viễn thông ở nông thôn, tập trung vào công nghệ sinh học, chương trình giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ bảo quản và công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản, nâng cao trình độ cơ khí hóa, điện khí hóa trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Hiện đại hóa các ngành nghề

Xem tiếp trang 14

đó hoặc nhà ở dự án).

- Bộ Tài chính và NHNN: Đối với trường hợp TCTD nhận gán nợ bằng tài sản bảo đảm là bất động sản để xử lý nợ và chưa chuyển quyền sử dụng đất/QSH tài sản sang tên TCTD, trong thời gian TCTD nắm giữ tài sản để bán, đề nghị cho phép theo dõi tại tài khoản riêng đối với dư nợ đã nhận gán nợ bằng tài sản đó để giám trừ nợ xấu của TCTD và không tính lãi với khách hàng (Giá trị giám trừ dư nợ tương ứng với giá trị tài sản gán nợ được định giá tại thời điểm bàn giao). Khách hàng vẫn có nghĩa vụ với TCTD cho đến khi TCTD hoàn thành việc bán tài sản.

Các biện pháp khác

Chính phủ có thể tiếp tục sử dụng các chính sách tài khóa như hoãn, giảm các mức phí, thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn khó khăn này. Tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn liên quan đến xử lý nợ (chính sửa cơ chế mua bán nợ, định giá khoản nợ để hỗ trợ các NHTM đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu),

xử lý tài sản bảo đảm (thủ tục liên quan đến ủy quyền xử lý tài sản, thu giữ TSBĐ,...) để hỗ trợ NHTM thu hồi nợ xấu; các vướng mắc liên quan đến công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng giao dịch bảo đảm,... nhằm tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo thường niên của một số NHTM trong năm 2013, 2014
2. Bài viết “ Nợ xấu và lợi nhuận cùng tăng” . Thời báo kinh tế Sài Gòn
3. Báo cáo số 314/2014, Báo cáo đánh giá hoạt động tín dụng của ngân hàng và đề xuất giải pháp tăng trưởng tín dụng và xử lý nợ xấu, Trung tâm nghiên cứu BIDV

Quan điểm và giải pháp về kinh tế phi chính thức...

Tiếp theo trang 10

truyền thống và các ngành tiểu thủ công nghiệp. Dành kinh phí nhập khẩu công nghệ cao, thiết bị hiện đại, các loại giống tốt. Đầu tư hiện đại, nâng cao năng lực đào tạo cán bộ khoa học, nghiên cứu và tiếp thu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học nhất là cơ chế quản lý tài chính, nhân sự, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao khoa học — công nghệ cho nông dân, khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu phát triển khoa học — công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn và thực hiện xã hội hóa để mở rộng hệ thống khuyến nông đến cơ sở để mở ra con đường tạo việc làm mới cho người lao động ở nông thôn.

3.7. Một số chính sách khác

Về đất đai: có chính sách quy hoạch cụ thể rõ ràng hướng đến phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Về tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện chính sách hỗ trợ và bảo hộ hợp lý với nhiều biện pháp cho một số ngành hàng có triển vọng nhưng còn khó khăn như: chăn nuôi, rau quả..., để nông dân phát triển sản xuất và hạn chế được những rủi ro trong quá trình thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Hơn nữa, chính sách xuất nhập khẩu và hàng rào thuế quan cần tiếp tục quan tâm hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thi (1998), Phụ nữ nông thôn và việc phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, NXB Khoa học xã hội.
2. Báo cáo tóm lược chính sách (2010), Thị trường lao động và kinh tế phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian khủng hoảng và phục hồi 2007 — 2009,
3. Thị trường lao động và kinh tế phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian khủng hoảng và phục hồi 2007-2009, Dự án TCTK/IRD-DIAL.
4. Việc làm phi chính thức ở Tp. Hồ Chí Minh từ góc nhìn lịch sử - văn hóa năm 2010.
5. Khu vực kinh tế phi chính quy, Một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Hà Nội, 1997
6. Ferreira, F. and Lanjouw, P. (2001). “Rural Nonfarm Activities and Poverty in the Brazilian Northeast.”. World Development 29 (3), pp.509—528.
7. Esser Johannes (1984), Kinh tế phi chính thức.
8. <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/cac-khu-vuc-kinh-te>, Viện nghiên cứu phát triển Tp. HCM.